

Số: 520 /BVĐK
V/v đề nghị chào lại giá

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Các nhà thầu đã báo giá theo Thông báo số
367/TB-BVĐK ngày 04/3/2024 của Giám
đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Tờ trình ngày 19/3/2024 của phòng VT-TBYT đã được Giám đốc Bệnh viện
cho phép chuyển Tổ Xét chọn nhà thầu về việc mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất dùng
phục vụ công tác chuyên môn của khoa Răng Hàm mặt trong 06 tháng năm 2024;

Căn cứ Trích biên bản cuộc họp ngày 20/3/2024 của Tổ xét chọn giá về việc mua
sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất dùng phục vụ công tác chuyên môn của khoa Răng Hàm
mặt trong 06 tháng năm 2024.

Căn cứ Thông báo số 367/TB-BVĐK ngày 04/3/2024 về việc mời chào giá vật tư y
tế tiêu hao, hóa chất dùng phục vụ công tác chuyên môn của khoa Răng Hàm mặt của Giám
đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Báo giá của các đơn vị cung cấp;

Trong quá trình xét chọn, tổng cộng có 03 báo giá đều đạt về pháp lý và kỹ thuật.
Tuy nhiên, có 01 báo giá có giá tất cả các mặt hàng đều vượt giá kế hoạch và 02 báo giá
có giá tất cả các mặt hàng đều bằng nhau, nên chưa thể lựa chọn được nhà thầu trúng thầu.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị các nhà thầu chào lại giá các mặt
hàng theo danh mục đã báo giá.

(Chi tiết cụ thể Danh mục vật tư y tế tiêu hao, hóa chất đề nghị chào lại giá của
từng nhà thầu theo các Phụ lục kèm theo)

Hồ sơ chào lại giá của nhà thầu gửi về Bộ phận văn thư - Bệnh viện Đa khoa tỉnh
Quảng Ngãi - Đường Lê Hữu Trác, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: 0255.382.7899

Email: bvdqquangngai@gmail.com

Nhà thầu ghi rõ trên bì thư hồ sơ: “Chào lại giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất dùng
phục vụ công tác chuyên môn của khoa Răng hàm mặt”

Thời gian: chậm nhất đến trước 17 giờ 00 phút, ngày 27/3/2024.

Bệnh viện kính đề nghị nhà thầu xem xét thực hiện nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- Giám Đốc và các PGĐ (b/c);
- Tổ Xét chọn nhà thầu;
- Lưu: VT, Phòng VTYT.



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thiều

PHỤ LỤC: CÁC MẶT HÀNG ĐỀ NGHỊ CHÀO LẠI GIÁ
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO, HÓA CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUYÊN
MÔN RĂNG HÀM MẶT DỪNG TRONG 06 THÁNG NĂM 2024

(Phụ lục kèm Công văn số 520/BVĐK ngày 22/3/2024 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất	Tên thương mại	ĐVT	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá kế hoạch có VAT	Giá trị kế hoạch (VNĐ)	Giá trị báo giá của nhà thầu (VNĐ)		
										Công ty TNHH Thiết bị Y tế Nguyễn Phú VNM	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Thịnh Đạt	Công ty TNHH TBVT Hoàng Gia Huy
1	Bơm tiêm nha khoa	Bơm tiêm nha khoa	Cái	SAC1	Osung	Hàn Quốc	3	606.000	1.818.000	1.818.000		1.819.200
2	Cán gương nha khoa	Cán gương nha khoa	Cái	DC28	3M	Pakistan	10	61.000	610.000	610.000		614.000
3	Chốt răng số 03	Chốt răng số 03	Cái	C210	Pivot	Việt Nam	60	3.300	198.000	198.000		222.000
4	Cón guttipercha	Cone gutta percha	Cây	ML25, ML30, ML35	Diadent	Hàn Quốc	1.800	1.100	1.980.000	1.980.000		2.700.000
5	Chất hàn ống tủy Cortisolomol hoặc tương đương	Chất hàn ống tủy Cortisolomol	Gram	DT72	Acteon	Pháp	27	53.000	1.431.000	1.431.000		1.441.800
6	CMC	Sát trùng tủy CMC	ml	DT159	Việt Nam	Việt Nam	30	5.600	168.000	168.000		180.000
7	Cung Tigerstedt	Cung xương hàm	Bộ	CT112	Việt Nam	Việt Nam	50	90.500	4.525.000	4.525.000		4.545.000
8	Đai cao su đánh bóng răng	Đai cao su đánh bóng răng	Cái	TPC144	TPC	Việt Nam	288	4.300	1.238.400	1.238.400		1.353.600
9	Đai trám nhựa	Đai trám nhựa	Cái	ĐT2200	Microdont	Brazil	500	1.200	600.000	600.000		800.000
10	Dao số 3	Dao số 3	Cái	SP1013	Prime	Pakistan	3	61.000	183.000	183.000		184.200
11	Etching	Etchant -37	Tuýp	ET37	Vericom	Hàn Quốc	5	155.000	775.000	775.000		777.000
12	Giấy nhám kẻ thiếc đỏ, vàng	Sợi nhám kẻ GC	Sợi	PK122	GC	Nhật	10	155.000	1.550.000	1.550.000		1.554.000
13	Hydroxyl Canci	Calcium Hydroxide	Gram	LK11	Prevest	Ấn Độ	60	17.400	1.044.000	1.044.000		1.068.000
14	Lentulo	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy Paste Carriers	Cây	LE25, LE30, LE35	Mani	Việt Nam	54	46.200	2.494.800	2.494.800		2.516.400
15	Mũi đánh bóng Composite	Mũi đánh bóng Composite - Enhan	Cây	RA0309	Dentsply	Mỹ	25	64.000	1.600.000	1.600.000		1.610.000

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất	Tên thương mại	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá kế hoạch có VAT	Giá trị kế hoạch (VNĐ)	Giá trị báo giá của nhà thầu (VNĐ)		
											Công ty TNHH Thiết bị Y tế Nguyễn Phú VNM	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Thịnh Đạt	Công ty TNHH TBYT Hoàng Gia Huy
16	Ống hút nước bọt nha khoa	Ống hút nước bọt nha khoa	Chất liệu nhựa.	ống	OH1	World Work	Ý	250	1.400	350.000	350.000	350.000	450.000
17	Oxyt kẽm	Zinc oxide	Bột Oxid kẽm dùng trong nha khoa.	Gram	114-002-022	Master-Dent	Mỹ	200	1.750	350.000	350.000	350.000	430.000
18	Sò đánh bóng	Sò đánh bóng	Dùng đánh bóng sau khi cạo vôi răng trám răng. Màu đỏ.	Con	VS47	Henryschein	Mỹ	150	10.600	1.590.000	1.590.000	1.590.000	1.650.000
19	Tay khoan thẳng NSK hoặc tương đương	Tay khoan nhanh Paf su	Công suất hoạt động 16W • Tốc độ quay: 350.000 - 420.000 V/phút. • Ánh sáng: không đèn. • Lực kẹp mũi 30N. • Hệ thống phun nước 4 tia / 1 tia.	Cái	Paf su M4	NSK	Nhật	1	6.615.000	6.615.000	6.615.000	6.615.000	6.615.400
20	Thạch cao trắng	Thạch cao trắng planet	Vật liệu lấy dấu nha khoa.	Kg	LB97	Planet	Thái Lan	2	83.100	166.200	166.200	166.200	167.000
21	Thạch cao vàng	Thạch cao vàng planet	Vật liệu lấy dấu nha khoa.	Kg	LB100	Planet	Thái Lan	2	83.100	166.200	166.200	166.200	167.000
22	Thuốc diệt tủy	Diệt tủy	Arsenic dùng diệt tủy trong nha khoa.	Gram	114-002-026	Việt Nam	Việt Nam	25	35.000	875.000	875.000	875.000	885.000
23	Trâm giữa	Kim khoan răng Reamer	Dùng để làm rộng và làm láng thành ống tủy. Các số 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40.	Cây	RM10, RM15, RM20, RM25, RM30, RM35, RM40	Mani	Việt Nam	330	23.000	7.590.000	7.590.000	7.590.000	7.722.000
24	Trâm gai lấy tủy	Trâm gai lấy tủy	Dùng để lấy tủy răng. Các màu xanh, vàng, trắng.	Cây	MN40, MN30, MN25	Mani	Việt Nam	500	15.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.700.000
25	Chi thép	Chi thép nha khoa	Dùng để cố định xương hàm. Đường kính khoảng từ 0,5mm đến 0,6mm, chiều dài ≥ 5m.	Cuộn	A601	Orthotechnolog	Mỹ	3	244.000	732.000	732.000	732.000	733.200
26	Dầu tra tay khoan		Dùng làm sạch và bôi trơn tất cả các loại tay khoan nhanh, tay khoan chậm, motor hơi. Chai ≥ 550ml	Chai	NSK124	NSK	Đài Loan	1	571.000	571.000	571.000	571.000	571.400
27	Chi co nướu	Chi co nướu OO	Dùng trong tách nướu nha khoa. Kích cỡ 00.	cm	SC00	Surecord	Hàn Quốc	330	1.420	468.600	468.600	468.600	600.600
28	Chổi đánh bóng	Chổi đánh bóng	Dùng đánh bóng và làm sạch răng.	Cái	BP300	TPC	Mỹ	150	4.600	690.000	690.000	690.000	750.000
29	Đai kim loại	Đai kim loại	Đai tách kẽ, hỗ trợ trám răng	Sợi	M50	Việt Nam	Việt Nam	120	4.600	552.000	552.000	552.000	600.000
30	Chất lấy dấu Alginate	Chất lấy dấu Tropicalgin	Vật liệu lấy dấu Alginate dùng trong nha khoa.	Gram	C302241	Zhermack	Ý	906	750	679.500	679.500	679.500	1.041.900
31	Eugenol Sultan Cheists INC hoặc tương đương	Eugenol	Dùng giảm đau, chống viêm trong nha khoa. Lọ dung tích khoảng 30ml.	Lọ	DT132	Sultan	Mỹ	5	111.000	555.000	555.000	555.000	557.000
	Tổng cộng: 31 mặt hàng									49.665.700	49.665.700	49.665.700	52.025.700